

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2024
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nghị và bà Trần Thị Kim Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Phương Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1994, địa chỉ: **Thôn E, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**, vắng mặt

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1994, địa chỉ: **Thôn E, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Hồng H** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Văn C1** kết hôn với nhau ngày 25/8/2013, trước khi cưới có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc** trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về sống chung cùng gia đình anh **C1** tại **thôn E, xã H, huyện T**. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 4 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **C1** hay uống rượu chè, thường đi chơi bời, nhậu nhẹt qua đêm dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát, cãi vã, bất đồng. Đến tháng 11 năm 2023 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị **H** ra ngoài ở riêng, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, không quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau, sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh **C1**, vợ chồng không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **C1**.

Về con chung: Chị và anh C1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức H1, sinh ngày 29/7/2013 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 03/12/2018, đều đang ở cùng anh C1. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu H1 và để anh C1 tiếp tục nuôi cháu Ngọc A. Chị không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án không ghi nhận được quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng H, cho chị Nguyễn Thị Hồng H ly hôn anh Nguyễn Văn C. Về con chung: Giao cho chị H nuôi cháu Nguyễn Đức H1, sinh ngày 29/7/2013. Giao cho anh C1 tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 03/12/2018. Anh C1 và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn C, anh C1 có nơi cư trú tại xã H, huyện T. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Văn C, mặc dù anh C1 có mặt tại địa phương và biết việc chị H xin ly hôn anh tại Tòa án nhân dân huyện Tam Dương nhưng anh C1 không đến Tòa án để làm việc. Anh C1 cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau ngày 25/8/2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T,

tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2023 thì nảy sinh mâu thuẫn do có nhiều bất đồng quan điểm. Từ tháng 11/2023 đến nay anh chị đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh C1 nhiều lần đến làm việc, mặc dù anh C1 biết việc chị H xin ly hôn anh tại Tòa án nhân dân huyện Tam Dương nhưng cố tình trốn tránh, không hợp tác, không đến Tòa làm việc, gây khó khăn cho chị H và Tòa án, thể hiện anh C1 không có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh C1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung đã không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H xin ly hôn anh C1 là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh C1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức H1, sinh ngày 29/7/2013 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 03/12/2018, nay đều đang ở cùng anh C1. Ly hôn chị H xin được nuôi cháu H1. Xét thấy, chị H có nghề nghiệp ổn định và có thu nhập, đủ điều kiện để tiếp tục nuôi con chung, nguyện vọng được nuôi con chung của chị là chính đáng, ngoài ra Tòa án đã lấy lời khai của cháu H1, cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho chị H được nuôi con chung là cháu Nguyễn Đức H1. Đối với cháu Nguyễn Ngọc A, cháu A hiện đang ở cùng anh C1. Anh C1 không đến Tòa án làm việc, không đưa ra quan điểm về việc nuôi con chung, tuy nhiên qua xác minh tại UBND xã và qua làm việc với bà Trần Thị M (mẹ đẻ anh C1) xác định hiện nay anh C1 có thu nhập, có điều kiện để nuôi con. Do vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Ngọc A, cần giao cho anh C1 tiếp tục nuôi cháu Ngọc A. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H và anh C1 đều không yêu cầu nên anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hồng H ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng H nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức H1, sinh ngày 29/7/2013. Anh Nguyễn Văn C1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 03/12/2018. Anh C1 và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo Biên lai tiền tạm ứng án phí số 0007068 ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- UBND xã Hoàng Hoa, huyện Tam Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Hoàng